

# VÀI NÉT VỀ ĐỘI NGŨ CHỨC SẮC LÀNG XÃ Ở BÌNH ĐỊNH NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX (QUA TƯ LIỆU ĐỊA BẠ)

PHAN PHƯƠNG THẢO \*

Địa bạ là nguồn tư liệu cực kỳ phong phú để nghiên cứu về chế độ sở hữu ruộng đất, các hình thái nông nghiệp, kết cấu kinh tế - xã hội, sự phân hóa xã hội và nhiều mặt của đời sống văn hóa... trong đó có vai trò của đội ngũ chức quyền trong làng xã. Mỗi địa bạ sau khi lập xong ngoài sự xác nhận của quan chức ngoài làng xã từ mức Tổng trở lên cho tới Bộ Hộ thì còn có phần cam đoan cùng điểm chỉ của những người có chức quyền trong chính thôn/ấp đó. Căn cứ vào chức danh của những người này, chúng tôi thấy họ thuộc hai loại chức khác nhau: một bên là những *chức dịch* cấp làng xã nằm trong bộ máy hành chính đơn vị cơ sở của Nhà nước, như xã trưởng, lý trưởng, tả bạ, tri thu..., còn một bên là những người đại diện cho cộng đồng, thuộc bộ máy tự quản của làng xã, có thể gọi là *sắc mục* như: hương mục, trùm, hương lão, lão tín... Xã trưởng/lý trưởng do làng xã cử nhưng phải tuân thủ những qui định của Nhà nước và được chính quyền cấp trên chấp nhận, cấp bằng, triện. Các *chức dịch* là người phải chịu trách nhiệm với Nhà nước về việc thu tô, thuế, lao dịch, binh dịch... nói chung họ phải hoàn thành các nghĩa vụ của làng đối với Nhà nước. Các *sắc mục* lập thành Hội đồng sắc mục (hay kỳ mục), không do chính

quyền cấp trên chấp nhận và giao nhiệm vụ, nhưng lại có quyền lực thực sự trong cộng đồng làng xã. Chúng tôi tạm dùng từ "chức sắc" để chỉ chung các chức dịch và sắc mục. Bộ máy hành chính và tự quản tuy có phân biệt nhưng quan hệ mật thiết với nhau trong chức năng quản lý làng xã. Vì vậy, khi cùng ghi tên và điểm chỉ vào cuối địa bạ, chịu trách nhiệm trước Nhà nước về kê khai đầy đủ các hạng công, tư điền thổ của thôn/ấp mình thì các chức dịch và sắc mục đều có vai trò của mình.

Dựa vào các thông tin ở địa bạ Bình Định vào hai thời điểm 1815 và 1839, chúng tôi muốn tìm hiểu về đội ngũ chức sắc này của làng xã, bao gồm cả chức dịch và sắc mục, về vai trò chính trị cũng như quyền lợi kinh tế của họ thông qua chức mà họ nắm giữ và ruộng đất mà họ sở hữu.

## 1. *Đội ngũ chức sắc ở Bình Định qua địa bạ 1815.*

Năm 1810 Gia Long quyết định triển khai làm tiếp địa bạ ở các tỉnh từ Quảng Bình trở vào đến cực Nam Trung Bộ. Tuy nhiên việc lập địa bạ ở những tỉnh này tiến hành có vẻ chậm chạp nên phải tới những năm cuối thời Minh Mệnh

\* Th.s. Đại học Quốc gia Hà Nội.

mới xong. Địa bạ của trấn Bình Định lập vào thời Gia Long có niên đại Gia Long 14 (1815). Hiện nay sưu tập địa bạ này do Cục Lưu trữ Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I (ở Hà Nội) quản lý. Theo *Đại Nam thực lục*, Bình Định có 678 thôn ấp (1), vì vậy nếu đầy đủ thì số địa bạ Bình Định năm 1815 là 678. Nhưng hiện nay Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I chỉ giữ được 559 địa bạ Bình Định lập vào thời điểm 1815, mất 119 địa bạ.

Bình Định vốn là phủ Hoài Nhơn gồm 3 huyện Bồng Sơn, Phù Ly, Tuy Viễn, thuộc Thừa tuyên Quảng Nam do vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) lập năm 1471. Năm 1602, chúa Nguyễn Hoàng (chúa Tiên: 1538 - 1612) đổi làm dinh Quảng Nam, năm 1604 đổi phủ Hoài Nhơn làm phủ Qui Nhơn. Năm 1651 chúa Nguyễn Phúc Tần (chúa Hiên: 1648-1687) đổi làm phủ Qui Ninh, năm 1742 chúa Nguyễn Phúc Khoát (Võ Vương: 1738-1765) lại khôi phục tên phủ Qui Nhơn (2). Năm 1803, Gia Long chia đặt lại các dinh phủ, đổi phủ Qui Nhơn làm dinh Bình Định, năm 1808 đổi làm trấn Bình Định (3). Trấn Bình Định bấy giờ gồm 3 huyện Bồng Sơn, Phù Ly và Tuy Viễn. Hai huyện Bồng Sơn và Phù Ly đều có 3 tổng là Thượng, Trung và Hạ. Riêng huyện Tuy Viễn gồm tổng Vân Dương và 6 thuộc (Hà Bạc, Sơn Điền, Thời Đôn, Thời Hòa, Thời Tú, Vông Nhi). Trong các tổng cũng như thuộc kể trên lại bao gồm một số xã, thôn, trong các xã thôn này lại bao gồm một hoặc vài ấp (4). 678 địa bạ nói trên của trấn Bình Định là địa bạ lập theo đơn vị hành chính cấp ấp.

Xem xét cụ thể từng địa bạ, chúng tôi thấy mỗi địa bạ ít nhất cũng có hai chức sắc trong ấp đứng danh kê khai và chịu trách nhiệm về việc lập địa bạ của ấp mình, trong đó có ít nhất một người thuộc hệ thống chức dịch của Nhà nước, thường là xã trưởng, ấp trưởng, và ít nhất một người thuộc loại sắc mục của thôn ấp, phần lớn

là hương mục. Khi địa bạ có tới ba, bốn, thậm chí năm người ghi tên chịu trách nhiệm thì ngoài xã trưởng hay ấp trưởng và hương mục ra, còn có thể là cựu xã trưởng, hương lão, tả bạ, tri thu, trùm, trưởng v.v...

Căn cứ vào tên những người có quyền chức ở thôn/ấp ghi trên 24 địa bạ (5), chúng tôi thống kê được 77 người (trong đó có một số người kiêm hai chức, thí dụ trường hợp Xã trưởng kiêm Tả bạ Nguyễn Văn Đạc của ấp Khuông Bình...thì chỉ tính là một người). Như vậy bình quân cho mỗi đơn vị thôn ấp là 3,25 chức sắc. Tuy nhiên, không có sự đồng đều trong các ấp, có ấp chỉ có hai chức sắc, có ấp lại có tới 5 người.

Đặc biệt có tới 32/77 chức sắc không có tên trong danh sách chủ ruộng, hay nói cách khác họ là những người không có ruộng đất tư hữu (ở đây chúng tôi chỉ thống kê theo phần ruộng đất mà họ sở hữu tại nơi giữ chức, không loại trừ trường hợp họ có thể có thêm ruộng đất ở một, hoặc một vài nơi khác với tư cách là phụ canh. Vì số địa bạ lựa chọn nghiên cứu là có hạn và chọn theo nguyên tắc mẫu thống kê nên trong những nhận xét dưới đây cũng chỉ dựa trên qui mô sở hữu ruộng của các chức sắc tại chính nơi họ có chức).

Hiện tượng những người có chức ở làng xã mà không có ruộng đất tư hữu là khá phổ biến ở Việt Nam đầu thế kỷ XIX. Tuy nhiên, tỷ lệ 41,55% chức sắc không có ruộng ở Bình Định là một tỷ lệ khá cao, hơn hẳn Hà Đông (33,09%) (6) và xấp xỉ Thái Bình (43,51%) (7). Tuy vậy, sự hiện diện những người có chức không ruộng cũng không đồng đều trong các ấp. Bên cạnh 100% chức sắc trong 3/24 ấp (Bình An, Mỹ Hòa, Tĩnh Bình) có ruộng đất tư hữu, đại bộ phận những ấp còn lại trong hàng ngũ chức sắc thì có người có ruộng đất tư, người thì không. Riêng trường hợp ấp Tĩnh Hòa cả 2 chức sắc điểm chỉ

chịu trách nhiệm về việc lập địa bạ cho ấp thì cả 2 người đều không có thước ruộng tư nào.

Không tính tới những chức sắc không có ruộng đất tư, ngay trong hàng ngũ những người có ruộng đất tư thì mức độ tư hữu của họ cũng không đồng đều. Người có sở hữu lớn nhất trong số 45 chức sắc có ruộng đất tư hữu, chủ sở hữu lớn nhất là Hương mục Phan Văn Tùng của ấp Xuân Dung có hơn 13 mẫu ruộng (13.2.12.5.5.5)(\*); chủ có sở hữu nhỏ nhất là các Hương mục Hưng Văn Giao (ấp Biểu Chánh), Trùm Nguyễn Văn Thừa (ấp Kim Châu) và Hương mục Đoàn Văn Nghị (ấp Kim Giản) đều

tích ruộng tư của các chức sắc.

Cũng cần phải nói thêm rằng việc phân chia chức sắc của làng xã thành hai loại chức dịch và sắc mục cũng là một sự phân chia có tính tương đối bởi vì trên thực tế có những người đã từng làm xã trưởng, ấp trưởng tức là thuộc hệ thống chức dịch, nhưng sau khi không đảm nhận chức đó nữa mà vẫn được cộng đồng tín nhiệm, tôn trọng, họ có thể trở thành thành viên của hội đồng sắc mục. Chẳng hạn trường hợp cựu xã trưởng Nguyễn Văn Phong thuộc ấp Phú Thành, hay cựu ấp trưởng Nguyễn Văn Tường ... không còn đương chức xã trưởng hay ấp trưởng nữa song vẫn được ghi tên, điểm chỉ trong địa bạ của ấp mình.

**Bảng 1: Qui mô sở hữu của chức sắc.**

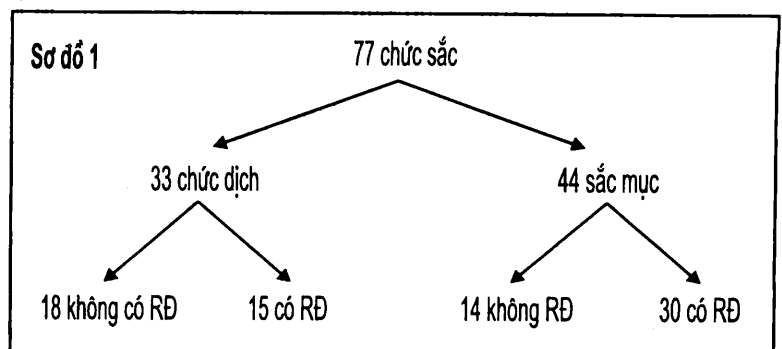
Qui mô sở hữu	Số chủ sở hữu		Diện tích sở hữu	
	Số lượng	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ
Dưới 1 mẫu	13	28,89%	3.9.03.9.1.5	3,14%
1 - 3 mẫu	18	40,00%	32.6.08.0.0.6	26,08%
3 - 5 mẫu	6	13,33%	25.1.11.6.8.5	20,11%
5 - 10 mẫu	6	13,33%	40.0.01.4.1.3	31,96%
10 - 20 mẫu	2	4,44%	23.4.02.5.5.5	18,71%

chỉ có hơn 7 thước (0.0.07.5.0.0). Để hiểu rõ hơn về sự phân hóa ruộng của bộ phận chức sắc, xin xem thống kê ở bảng 1.

Hơn 80% chức sắc sở hữu ruộng đất tập trung ở ba lớp sở hữu đầu (dưới 5 mẫu), hay nói cách khác, tính chất sở hữu nhỏ, tự canh là đặc trưng của các chức sắc có ruộng đất. Số liệu còn cho biết chỉ có 17,77% số chức sắc có ruộng là những chủ sở hữu có từ 5 mẫu ruộng trở lên nhưng họ nắm giữ trong tay hơn 50 % diện

Mặc dù sự phân chia thành chức dịch và sắc mục chỉ mang tính tương đối song chúng tôi vẫn thử phân chia 77 chức sắc nói trên theo hai loại này để xem có sự khác biệt nào không về quyền lợi kinh tế thông qua sở hữu ruộng đất của họ.

Như vậy, về danh nghĩa, có thể các chức dịch có quyền lực hành chính cao hơn sắc mục (vì nằm trong bộ máy hành chính cấp cơ sở của Nhà nước) song nếu xét về quyền lợi kinh tế thông qua quyền sở hữu ruộng đất tư thì sơ đồ 1 cho chúng ta thấy rất rõ rằng quyền lực kinh tế của đội ngũ sắc mục mạnh hơn hẳn của chức dịch,



**Bảng 2: Phân bố sở hữu tư điền thổ của đội ngũ chức sắc.**

	Số người có ruộng đất / Tổng số	Tỷ lệ	Diện tích sở hữu	Diện tích bình quân
Chức sắc	45/77	58,45%	125.1.12.5.7.4	2.7.12.2.7.9
Sắc mục	30/44	68,18%	91.5.02.5.7.0	3.0.07.5.8.5
Chức dịch	15/33	45,45%	33.6.10.0.0.4	2.2.06.6.6.6

Bảng 2 cho chúng ta thấy mức sở hữu trung bình của chức sắc Bình Định nói chung không cao nhưng trong tương quan một vùng tư hữu phát triển rất mạnh (lớn gấp hơn 10 lần ruộng công) mà qui mô sở hữu thì lại nhỏ, manh mún (sở hữu trung bình của 1 chủ sở hữu là 1.0.07.5.1.1) thì mức độ tư hữu về ruộng đất của đội ngũ chức sắc lại được coi là cao vì gấp 2.65 lần mức sở hữu trung bình của các chủ tư hữu ruộng đất trong các thôn ấp (8). Nhưng bản thân trong các chức sắc cũng có sự phân hóa: sở hữu trung bình của các sắc mục lớn hơn hẳn sở hữu trung bình của chức sắc nói chung, và gần gấp rưỡi mức sở hữu trung bình của chức dịch.

**Bảng 3a: Qui mô sở hữu ruộng đất của các chức dịch.**

Quy mô sở hữu	Số chủ		Diện tích sở hữu	
	Số lượng	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ
Dưới 1 mẫu	4	26,67%	1.1.03.6.6.5	3,34%
1 - 3 mẫu	7	46,67%	12.8.10.3.7.4	38,23%
3 - 5 mẫu	3	20,00%	13.4.12.9.6.5	40,06%
5 - 10 mẫu	1	20,00%	13.4.12.9.6.5	40,06%

**Bảng 3b: Qui mô sở hữu ruộng đất của các sắc mục.**

Quy mô sở hữu	Số chủ		Diện tích sở hữu	
	Số lượng	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ
Dưới 1 mẫu	9	30,00%	2.8.00.2.5.0	3,06%
1 - 3 mẫu	11	36,67%	19.7.12.6.3.2	21,62%
3 - 5 mẫu	3	10,00%	11.6.13.7.2.0	12,78%
5 - 10 mẫu	5	16,67%	33.8.03.4.1.3	36,96%
10 - 20 mẫu	2	6,67%	23.4.02.5.5.5	25,59%

bằng cứ là tỷ lệ số người có ruộng đất trong số sắc mục (30/44 ~ 68,18%) cao hơn hẳn trong số chức dịch (15/33 ~ 45,45%).

Nhận định này không chỉ đúng về tỷ lệ giữa số người có ruộng đất trên tổng số mà còn đúng cả khi chúng ta xem xét cụ thể mức độ sở hữu trung bình của những người có ruộng đất trong mỗi loại chức sắc.

Để hiểu rõ thêm về sự phân hóa ruộng đất của từng bộ phận chức sắc, xin xem thống kê ở các bảng 3a, 3b.

Nếu lấy mức sở hữu 5 mẫu ruộng làm tiêu chí để phân chia các chủ sở hữu: trên 5 mẫu được coi là chủ khá giả và dưới 5 mẫu thuộc loại nông dân tự canh thì rõ ràng đại diện cơ bản cho cả chức dịch và sắc mục vẫn chỉ là những người có sở hữu vừa và nhỏ (dưới 5 mẫu). Tuy nhiên, trong đó sở hữu của các sắc mục vẫn có phần vượt trội hơn chức dịch: 23,34% sắc mục có sở hữu trên 5 mẫu và quan trọng là họ nắm giữ gần 2/3 tổng diện tích ruộng đất (62,55%). Trong khi đó chỉ có 1/13 chức dịch (6,67%) có sở hữu hơn 5 mẫu và phần ruộng đất họ sở hữu cũng chưa đầy 1/5 tổng diện tích ruộng đất (18,38%).

**Bảng 4: Tình hình sở hữu ruộng đất của chức sắc.**

Chức danh	Có ruộng đất		Không ruộng đất	
	Số lượng	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ
Chức sắc	45	58,45%	32	41,55
1. Chức dịch	15	45,45%	18	54,55%
- Xã trưởng	9	40,91%	13	59,09%
- ấp trưởng	0	0,00%	1	100,00%
- Tri thu	2	50,00%	2	50,00%
- Tả bạ				
2. Sắc mục	30	68,18%	14	31,82%
- Hương mục	20	71,43%	8	28,57%
- Hương lão	2	66,67%	1	33,33%
- Trùm, Trưởng	4	57,14%	3	42,86%
- Cựu ấp trưởng	1	100,00%	0	0,00%
- Dịch mục	0	0,00%	1	100,00%
- Cựu xã trưởng	2	100,00%	0	0,00%
- Tri mục	1	100,00%	0	0,00%
- Lão tín	0	0,00%	1	100,00%

Những kết quả trên chứng tỏ có sự phân hóa về quyền lợi kinh tế thông qua quyền sở hữu ruộng đất tư giữa hai bộ phận chức dịch và sắc mục. Sự phân hóa này tồn tại ngay trong bản thân từng loại chức danh của chức dịch và sắc mục.

Bảng 4 cho chúng ta biết kết quả cụ thể về sự phân bố sở hữu ruộng đất của từng loại chức danh (Trong 77 chức sắc kể trên có một số người kiêm hai chức: thí dụ Xã trưởng kiêm Tả bạ Nguyễn Văn Đạc... thì khi liệt kê trong bảng 4 chúng tôi tính thành 2 người, cả ở cột xã trưởng và tả bạ để chúng ta có một hình dung cụ thể về số lượng của từng loại chức danh).

Nếu xét về số lượng thì số xã trưởng (22) chiếm tới 2/3 tổng số chức dịch (33) nhưng tỷ lệ những người có ruộng đất so với những người

không ruộng đất thuộc hàng ngũ xã trưởng (9/13 ~ 69,23%) lại ít hơn hẳn tỷ lệ này của chức dịch (15/18 ~ 83,33%).

Theo biên niên sử, chức xã trưởng và tiêu chuẩn, qui chế được đặt ra vào năm 1466, khi Lê Thánh Tông tiến hành cải cách hành chính, đổi chức xã quan thành xã trưởng (9). Việc qui định số hộ hay số dân đinh trong một xã tuy mỗi thời mỗi khác song đơn vị hành chính cấp xã và chức xã trưởng được duy trì từ đó cho đến thế kỷ XIX (năm 1828 Minh Mệnh đổi xã trưởng thành lý trưởng). Đến đầu thế kỷ XIX, trong các địa bạ lập vào thời Gia Long vẫn thấy ghi chức xã

trưởng. Xã trưởng là người đứng đầu trong hàng ngũ các chức dịch của làng xã, chịu trách nhiệm chính với Nhà nước về các nghĩa vụ của làng đối với chính quyền cấp trên. Còn các chức tri thu, tả bạ là những người giúp việc cho xã trưởng.

Thế nhưng, qua bảng 4 lại cho biết không phải tất cả các xã trưởng đều là những người có quyền lực kinh tế, bằng cứ là hơn 50% trong số họ không có tư hữu ruộng đất.

Sở hữu trung bình của 9 xã trưởng có ruộng (1.8.08.4.4.4) cũng ở mức khá hạn chế trong tương quan với các chức sắc nói chung, với chức dịch nói riêng.

Trong khi đó, đội ngũ sắc mục, mà tiêu biểu nhất là các hương mục (gần 2/3 số sắc mục là

hương mục (28/44) thì lại có quyền lực kinh tế mạnh hơn hẳn (3.1.05.3.9.7), lớn hơn cả mức sở hữu trung bình của sắc mục .

Mặc dù không thể và cũng không nên phân biệt một cách rạch ròi giữa bộ phận chức dịch và sắc mục trong làng xã nhưng bằng những phân tích có tính định lượng trên, rõ ràng đội ngũ sắc mục có quyền lực kinh tế thông qua quyền sở hữu ruộng đất tư lớn hơn hẳn so với các chức dịch. Phải chăng đây mới chính là những người thực sự có quyền lực trong thôn ấp. Xã trưởng đứng đầu đơn vị hành chính cơ sở, nhưng do tính tự quản của cộng đồng làng xã nên cũng phải tôn trọng các sắc mục và chấp hành các qui định của Hội đồng sắc mục về những hoạt động của cộng đồng làng xã. Đây là một quan hệ giữa "Làng" và "Nước", giữa "Lệ làng" và "Phép nước".

**2. Đội ngũ chức sắc ở Bình Định qua địa bạ 1839.**

Trong cuộc cải cách hành chính năm 1831 - 1832, Minh Mệnh chia lại tỉnh, trấn Bình Định đổi làm tỉnh Bình Định gồm hai phủ (Hoài Nhơn và An Nhơn), 5 huyện (Bồng Sơn, Phù Cát, Phù Mỹ, An Nhơn, Tuy Viễn và Tuy Phước) (10). Các huyện này lại được chia thành 14 tổng với 677 thôn và 1 trang (trang này thuộc tổng Vân Dương, huyện Tuy Phước, tương đương với 1 thôn). Năm 1839, Minh Mệnh cho lập địa bạ theo đơn vị hành chính cấp thôn, mỗi thôn có một địa bạ.

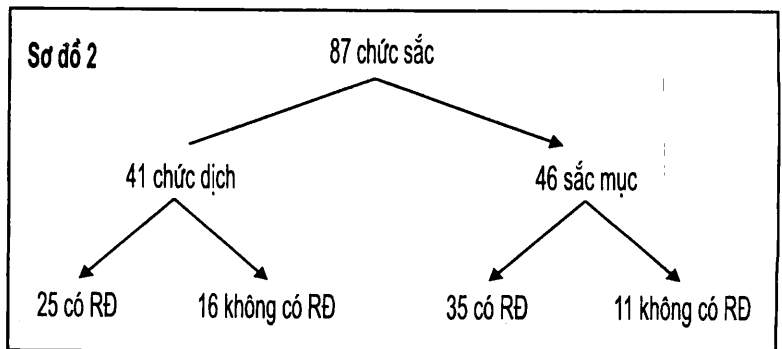
Sưu tập địa bạ tỉnh Bình Định lập vào năm 1839 nếu đây đủ thì có 678 đơn vị địa bạ song hiện nay còn lưu giữ được tại Cục Lưu trữ Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I 648 địa bạ bao gồm 647 địa bạ thôn và 1 địa

bạ trang (mất 30 địa bạ thôn) (11).

Cũng tương tự các địa bạ lập vào thời Gia Long, địa bạ lập năm Minh Mệnh 20 (1839) ngoài phần ghi tên cùng điểm chỉ của cai Tổng và xác nhận của Bộ Hộ là phần ghi tên cùng điểm chỉ của các chức sắc trong thôn đứng ra chịu trách nhiệm về việc lập địa bạ.

Năm 1828, Minh Mệnh có một số cải tổ về bộ máy quản lý làng xã: bỏ chức *xã trưởng* và thay vào đó chức *lý trưởng*, qui định một xã chỉ có 1 lý trưởng và tùy theo qui mô làng xã mà đặt thêm 1 hay 2 phó lý. Lý trưởng hay phó lý phải là những người được dân làng bầu cử ra, được phủ, huyện xét kỹ và được cấp văn bằng, mộc triện. Trách nhiệm của lý trưởng rất nặng nề: hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Nhà nước về việc quản lý làng xã, thực hiện mọi nghĩa vụ về tô, thuế, phu phen, tạp dịch ... song lý trưởng lại không nằm trong hàng ngũ quan chức. Theo qui định năm 1828, lý trưởng và phó lý trưởng phải là "*người vật lực cần cần*", "*do cai tổng cùng dân làng đồng từ bầu cử, phủ, huyện xét kỹ lại, bắm lên trấn để cấp văn bằng và mộc triện*" (12).

Vì đơn vị hành chính thay đổi nên chức dịch của thôn lúc này không phải là xã trưởng hay ấp trưởng mà là lý trưởng, phó lý trưởng, tà bạ. Còn đội ngũ sắc mục bao gồm hương mục, tri hương, dịch mục, cự lý trưởng, hương trưởng...



**Bảng 5: Quy mô sở hữu của chức sắc.**

Quy mô	Số chủ		DT sở hữu	
	Số lượng	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ
Dưới 1 mẫu	41	68,33%	15.6.12.0.0.7	24,28%
1 - 3 mẫu	14	23,33%	24.2.07.5.0.3	37,55%
3- 5 mẫu	4	6,67%	15.6.08.1.6.5	24,24%
5 - 10 mẫu	1	1,67%	8.9.14.6.2.0	13,93%

**Bảng 6: Tình hình sở hữu tư điền thổ của đội ngũ chức sắc**

	Số người có ruộng đất / Tổng số	Tỷ lệ %	Diện tích sở hữu	Diện tích bình quân
Chức sắc	60/87	68,96%	64.5.12.2.9.5	1.0.11.4.5.4
Sắc mục	35/46	76,08	42.0.03.6.7.0	1.2.00.1.0.4
Chức dịch	25/41	60,97%	22.5.08.6.2.5	0.9.00.3.4.5

Cũng vẫn thống kê trong 24 đơn vị địa bạ thôn tương đương với 24 địa bạ áp lập vào thời Gia Long nhưng số chức sắc của 24 thôn lúc này là 87 người, bao gồm 41 chức dịch và 46 sắc mục và phân bố như sơ đồ 2.

Trên tổng thể, số chức sắc không có ruộng đất tư hữu năm 1839 ( $27/87 = 31.04\%$ ) đã giảm đi một cách đáng kể so với năm 1815 ( $32/77 = 41,55\%$ ). Chỉ có duy nhất trường hợp thôn Kim Giản có hai chức sắc là Phó lý trưởng Phạm Văn Diên và Tả bạ Ngô Đăng Tấn đều không có sở hữu ruộng đất, phần lớn các thôn khác, chức sắc gồm cả người có và không có ruộng đất, riêng các thôn An Hội, Khuông Bình, Kiên Mỹ, Kim Trì và Lộc Thuận thì 100% chức sắc đều có sở hữu ruộng đất.

Quy mô sở hữu của 60 chức sắc có ruộng đất được thể hiện như ở bảng 5.

Mặc dù tổng số chức sắc trong 24 địa bạ thời Minh Mệnh nhiều hơn hẳn so với thời Gia

Long là 10 người, tỷ lệ số người có ruộng trên tổng số chức sắc cũng tăng lên từ địa bạ Gia Long qua địa bạ Minh Mệnh song qui mô sở hữu của họ lại bị giảm đi. Có lẽ nguyên nhân cơ bản là do chính sách quân điền của Minh Mệnh, chiết cấp bớt tư điền sung vào công điền. Điều này thể hiện rất rõ khi chúng ta xem xét phân bố diện tích sở hữu trung bình của các loại chức sắc (xem bảng 6).

Như vậy, cũng tương tự như trong địa bạ Gia Long, đội ngũ sắc mục vẫn là những người có mức sở hữu ruộng đất trung bình cao nhất trong tương quan các chức sắc.

Bảng 7a và 7b cho biết cụ thể hơn về quy mô sở hữu của các chức dịch và sắc mục.

Như trên đã nói, trách nhiệm của lý trưởng, phó lý trưởng rất nặng nề song họ lại không được coi là quan chức. Hơn nữa, trong bộ máy quản lý làng xã, mặc dù phải chịu trách nhiệm với Nhà nước về các công việc có tính chất hành chính như thu tô, thuế, lao dịch, làm địa bạ... nhưng hình như họ chỉ là những người bị cưỡng hào địa chủ thao túng chứ thực chất họ không phải là những người có quyền lực kinh tế lớn. Mức sở hữu trung bình của các lý trưởng và phó lý trưởng là 0.9.05.7.7.6, tuy có cao hơn mức sở hữu trung bình của chức dịch, nhưng lại thấp hơn sở hữu chung của chức sắc và lại càng thấp hơn sở hữu của sắc mục.

Bảng 8 dưới đây cho chúng ta kết quả cụ thể về sự phân bố sở hữu ruộng đất của từng loại chức danh.

**Bảng 7a: Qui mô sở hữu của chức dịch.**

Quy mô sở hữu	Số chủ		Diện tích sở hữu	
	Số lượng	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ
Dưới 1 mẫu	18	72,00%	6.4.04.6.7.5	28,51%
1 - 3 mẫu	5	20,00%	8.6.12.7.8.5	38,50%
3- 5 mẫu	2	8,00%	7.4.06.1.6.5	32,99%

**Bảng 7b: Qui mô sở hữu của sắc mục.**

Quy mô sở hữu	Số chủ		Diện tích sở hữu	
	Số lượng	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ
Dưới 1 mẫu	23	65,71%	9.2.07.3.3.2	22,01%
1 - 3 mẫu	9	25,71%	15.5.09.7.1.8	37,04%
3- 5 mẫu	2	5,71%	8.2.02.0.0.0	19,54%
5 - 10 mẫu	1	2,86%	8.9.14.6.2.0	21,41%

**Bảng 8: Tình hình sở hữu ruộng đất của chức sắc.**

Chức danh	Có ruộng đất		Không ruộng đất	
	Số lượng	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ
Chức sắc	60	68,97%	27	31,03%
1. Chức dịch	25	60,98%	16	39,02%
- Lý trưởng, phó lý trưởng	23	63,89%	13	36,11%
- Tả bạ	10	76,92%	3	23,08%
2. Sắc mục	35	76,09%	11	23,91%
- Hương mục	22	78,57%	6	21,43%
- Dịch mục	5	50,00%	5	50,00%
- Tri hương	2	100,00%	0	0,00%
- Hương trưởng	3	75,00%	1	25,00%
- Cựu lý trưởng	3	100,00%	0	0,00%
- Viên đảo	1	100,00%	0	0,00%

(Trong 87 chức sắc kể trên có một số người kiêm hai chức: thí dụ Hương mục kiêm Tả bạ Phan Đức Cảnh, hay Phó lý trưởng kiêm Tả bạ Nguyễn Văn Công ..., khi liệt kê trong bảng 8, chúng tôi tính thành 2 người, cả ở cột Hương mục và Tả bạ hay Phó Lý trưởng và Tả bạ để chúng ta có một hình dung cụ thể về số lượng của từng loại chức danh).

Như vậy, hơn 1/3 (36,11%) lý trưởng và phó lý trưởng là những người không có ruộng đất. Điều này một lần nữa minh chứng cho nhận xét trên của chúng tôi rằng các lý trưởng và phó lý không phải là những người có quyền lực kinh tế mạnh. Tuy nhiên, có lẽ do qui chế của Minh Mệnh về việc chọn lựa lý trưởng và phó lý trưởng có chặt chẽ hơn so với việc chọn xã trưởng trong các thời kỳ trước cho nên dù không phải là những người có quyền lực kinh tế mạnh trong thôn ấp song so với các xã trưởng thì tỷ lệ số người có ruộng đất trong số các lý trưởng và phó lý vẫn nhiều hơn tỷ lệ này đối với xã trưởng (có thể so sánh hai bảng 4 và 8).

Bên cạnh đó, trong các sắc mục, tuy có xuất hiện thêm một số chức danh khác so với thời Gia Long, song các hương mục vẫn là những người chiếm tỷ lệ cao nhất (28/44) và mức sở hữu trung bình của họ cũng là cao nhất (1.2.11.9.4.6), hơn cả sở hữu trung bình của sắc mục nói chung và hơn hẳn của chức dịch.

**3. Vài nhận xét.**

1. Qua nghiên cứu địa bạ Bình Định 1815 và địa bạ 1839 cho thấy



vai trò kinh tế của đội ngũ những người có chức quyền ở làng xã, chúng tôi gọi là các *chức sắc*. Theo thời gian và không gian khác nhau mà tên gọi của từng loại chức sắc trong địa bạ có thể khác nhau đôi chút nhưng tựu trung, có thể chia họ làm hai loại là *chức dịch* và *sắc mục*. *Chức dịch* là bộ phận chức sắc quản lý làng xã nằm trong hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước, được Nhà nước công nhận chính thức, như lý trưởng, xã trưởng, tả bạ, tri thu..., còn *sắc mục* là những người được xã tín nhiệm cử ra, đại diện cho cộng đồng, tiêu biểu cho bộ máy tự quản của làng xã, như hương mục, trùm, hương lão, lão tín...

2. Hiện tượng chức sắc không có sở hữu ruộng đất không phải là đặc điểm riêng của Bình Định mà là một hiện tượng khá phổ biến trong nông thôn Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX. Tỷ lệ những chức sắc không có sở hữu ruộng đất của

Bình Định tại hai thời điểm có địa bạ cũng khác nhau (năm Gia Long 14 (1815) là  $32/77 = 41,55\%$ , năm Minh Mệnh 20 (1839) là  $27/87 = 31,03\%$ )

3. Bên cạnh một số chức sắc không có sở hữu ruộng đất, những chức sắc đã có ruộng đất thì mức sở hữu của họ cao hơn hẳn so với mức sở hữu trung bình của các chủ ruộng đất tại nơi mà họ giữ chức.

4. Ở nông thôn Việt Nam, nếu coi quyền lực kinh tế được thể hiện bằng sở hữu ruộng đất thì ngay trong đội ngũ chức sắc (chỉ xét với những người ghi tên trong địa bạ) cũng có sự phân hóa. Qua địa bạ Gia Long và Minh Mệnh, tỷ lệ các sắc mục có ruộng đất trên tổng số sắc mục lớn hơn tỷ lệ này của chức dịch. Hơn nữa, mức sở hữu ruộng đất trung bình của sắc mục cũng cao hơn sở hữu trung bình của chức dịch.

## CHÚ THÍCH

- (1) *Đại Nam thực lục*, tập XXI, tr. 259-261.
- (2) *Đại Nam thực lục (tiền biên)*, Tập I, Nxb Khoa học xã hội, H. 1962, tr. 82, 294.  
*Đại Nam nhất thống chí*, Tập III, Nxb. KHXH, H.1975, tr. 6.
- (3) *Đại Nam thực lục*, Tập III, Sdd, tr. 385.
- (4) Nguyễn Đình Đầu: *Địa bạ triều Nguyễn: Bình Định*, tập I, Tp. Hồ Chí Minh, 1996, tr. 84 -127 hoặc xem *Danh mục Địa bạ trấn Bình Định* của Cục Lưu trữ Nhà nước.
- (5) 24 địa bạ này được chọn theo nguyên tắc thống kê chọn mẫu trong số 645 địa bạ của Bình Định lập năm Gia Long 14 (1815) (chỉ có 645 thôn ấp có đầy đủ địa bạ cả hai thời điểm Gia Long 14 và Minh Mệnh 20)
- (6) Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang, Vũ Văn Quân, Phan Phương Thảo: *Địa bạ Hà Đông*, H. 1995, tr. 606.
- (7) Phan Huy Lê, Nguyễn Đức Nghinh, Vũ Minh Giang, Vũ Văn Quân, Phan Phương Thảo: *Địa bạ Thái Bình*, H. 1997, tr. 465.
- (8) Nguồn lấy từ 24 địa bạ lựa chọn thuộc trấn Bình Định.
- (9) Sách *Thiên nam dư hạ tập*, bản dịch trong sách *Một số văn bản pháp luật Việt Nam thế kỷ XV thế kỷ XVIII*, Nxb. KHXH. H. 1994, tr. 212 chép rất rõ về lệ bầu đặt xã trưởng.
- (10) *Đại Nam thực lục*, Tập XI, Sdd, tr. 202
- (11) Nguyễn Đình Đầu: *Địa bạ triều Nguyễn: Bình Định*, tập I, Tp. Hồ Chí Minh, 1996, tr. 127
- (12) *Đại Nam thực lục*, tập IX, sdd, tr. 85.
- (\*) Đơn vị tính diện tích sử dụng trong bài là mẫu, sào, thước, tấc, phân, ly. Thí dụ: 6.4.04.6.7.5 có nghĩa là 6 mẫu 4 sào 4 thước 6 tấc 7 phân 5 ly.